

<b>2-3'</b>	SGK/42)  <b><u>C. Cũng cố</u></b>  <b><u>Dã dò</u></b>	thông ở mọi lúc, mọi nơi. - GV mời đại diện từng nhóm trình bày kết quả điều tra. - GV nhận xét kết quả làm việc nhóm của HS. - Tổng kết giờ học. - Chấp hành tốt Luật giao thông và nhắc nhở mọi người cùng thực hiện.	- HS nghe.  - HS nghe.
-------------	--	---	------------------------------

**TOÁN**  
**ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc.
- Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật.

**2. Kỹ năng:**

HS làm đúng các bài tập trang 173.

**3. Thái độ:**

HS hứng thú học tập.

**II. ĐỒ DÙNG:**

Bảng nhóm, hình vẽ minh họa.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
4'	<b>A. Kiểm tra:</b>	- Nêu đặc điểm của hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc, tính chu vi diện tích hình vuông và hình chữ nhật.	- 4 HS trả lời. - HS nhận xét.
32'	<b>B. Bài mới:</b> <b>1. Giới thiệu bài:</b> <b>2. Hướng dẫn ôn tập:</b>	- GV giới thiệu bài.  - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ trong SGK và nhận biết các cặp	- HS nghe.  - HS làm việc theo cặp quan

	<p><b>*Bài 1:</b> - Nhận biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc</p> <p><b>* Bài 2.</b></p> <p><b>*Bài 3:</b></p> <p><b>*Bài 4:</b> - Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật.</p>	<p>cạnh song song với nhau, vuông góc với nhau.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>- Gọi HS đọc đề. - Yêu cầu HS tính chu vi và diện tích các hình đã cho. So sánh các kết quả tương ứng rồi viết Đ, S</p> <p>- Yêu cầu HS đọc đề, phân tích đề, suy nghĩ tìm ra cách giải. Giúp đỡ HS yếu cách đổi <math>m^2 - cm^2</math></p> <p>- GV chữa bài.</p> <p>- Tổng kết toàn bài.</p>	<p>sát hình vẽ trong SGK và nhận biết các cặp cạnh song song với nhau, vuông góc với nhau.</p> <p>- Một cặp trình bày trước lớp, lớp nhận xét. a) cạnh AB và DC song song với nhau. b) Cạnh BA và AD vuông góc với nhau, Cạnh AD và DC vuông góc với nhau</p> <p>- Cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>- 2 HS đọc đề. HS làm bài vào vở. a) Sai b) sai c) Sai d) Đúng</p> <p>- HS đọc đề, phân tích đề, suy nghĩ tìm ra cách giải. - 1 HS làm vào bảng nhóm và trình bày trên bảng, cả lớp làm vào vở, đối chéo vở kiểm tra bài làm của nhau.</p> <p style="text-align: center;"><b><u>Bài giải</u></b></p> <p>Diện tích phòng học là : <math>5 \times 8 = 40 (m^2) = 400000 (cm^2)</math></p> <p>Diện tích 1 viên gạch dùng lát phòng là : <math>20 \times 20 = 400 (cm^2)</math></p> <p>Số viên gạch cần dùng để lát toàn bộ phòng học là: <math>400000 : 400 = 1000</math> (viên)</p> <p>Đáp số : 1 000 viên gạch.</p>
3'	<b><u>C. Củng cố-</u></b>		

	<b><u>Dẫn dò:</u></b>	- Về nhà ôn bài và chuẩn bị bài sau <i>Ôn tập về hình học (tt)</i> . - HS nghe. - HS nghe.
--	-----------------------	--

**CHÍNH TẢ ( Nghe – viết)**  
**NÓI NGƯỢC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- HS nghe - viết đúng bài chính tả *Nói ngược*.

**2. Kỹ năng:**

- Biết trình bày đúng bài về dân gian theo kiểu lục bát.

- Làm đúng bài tập 2 (phân biệt âm đầu và dấu thanh để viết lần (v/d/gh; dấu hỏi dấu ngã).

**3. Thái độ:**

- Giáo dục HS giữ vở sạch, viết chữ đẹp .

**II. ĐỒ DÙNG:**

Bảng nhóm, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
4'	<b>A. Kiểm tra</b>	- GV đọc các từ: <i>tròn trịa, chập chững, trắng trẻo.</i> - Nhận xét bài viết của HS trên bảng.	-2 HS lên bảng viết, lớp viết vào nháp rồi nhận xét trên bảng.
32'	<b>B. Bài mới:</b> <b>1. Giới thiệu bài:</b> <b>2. Giảng bài:</b> HS nghe - viết đúng bài chính tả <i>Nói ngược</i> .	- GV giới thiệu bài.  * Hướng dẫn viết chính tả: - GV đọc bài về dân gian nói ngược. * <b>Hướng dẫn viết từ khó.</b> - GV đọc lần lượt các từ khó viết cho HS viết: <i>liếm lông, nậm rượu, lao đao, trúm, đổ vỡ, ...</i> * <b>Viết chính tả.</b> - GV nhắc HS cách trình bày bài về theo thể thơ lục bát. - GV đọc từng dòng thơ cho HS viết. - GV đọc lại bài cho HS soát lỗi.	- HS nghe.  - HS theo dõi trong SGK. -2 HS đọc.  - 2 HS lên bảng viết, lớp viết vào nháp. - HS đọc lại các từ khó viết.  - HS theo dõi. - HS nghe viết bài - Soát lỗi, báo lỗi và sửa. - HS còn lại đổi vở chữa lỗi cho nhau. - HS nộp bài.

<p>3'</p>	<p><b>3, Luyện tập:</b> <b>*Bài 2:</b></p> <p><b><u>C. <i>Củng cố-</i></u></b> <b><u>Dẫn dò:</u></b></p>	<p><b>* Soát lỗi, chấm bài.</b> - GV cho HS đổi vở soát lỗi, báo lỗi và sửa lỗi viết chưa đúng. - GV thu một số vở nhận xét-sửa sai - Gọi HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>Cả lớp và GV nhận xét chốt lại lời giải đúng: <u>Giải đáp</u> - <i>tham gia</i> - <i>dùng một thiết bị-theo dõi-bộ não-kết quả-bộ não-bộ não-không thể</i></p> <p>- Tổng kết toàn bài. - Yêu cầu HS đọc lại thông tin ở bài tập 2, kể lại cho người thân nghe. Chuẩn bị bài: Ôn tập</p>	<p>- HS đọc thầm đoạn văn, làm bài vào vở. 1 HS làm vào bảng nhóm trình bày trước lớp và đọc đoạn văn.</p> <p>- HS nghe. - HS nghe.</p>
-----------	--	--	---

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**  
**MỞ RỘNG VỐN TỪ: LẠC QUAN- YÊU ĐỜI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết thêm một số từ phức chứa tiếng vui và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa.

**2. Kỹ năng:**

- Biết đặt câu với từ ngữ nói về chủ điểm lạc quan, yêu đời (BT2, BT3).

**3. Thái độ:**

- HS yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Bảng nhóm, quyển từ điển.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
4'	<b>A. Kiểm tra:</b>	- Trạng ngữ chỉ mục đích có tác dụng gì? Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho câu hỏi gì? - Lấy ví dụ. - GV nhận xét.	- 2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu
32'	<b>B. Bài mới:</b> <b>1. Giới thiệu bài:</b> <b>2. Giảng bài</b> <b>* Bài 1:</b> - Biết thêm một số từ phức chứa tiếng <b>vui</b> và phân loại chúng theo 4 nhóm nghĩa.	- GV giới thiệu bài.  - Đọc nội dung bài 1. - GV hướng dẫn HS làm phép thử để biết một từ phức đã cho chỉ hoạt động, cảm giác hay tính tình. a) Từ chỉ hoạt động trả lời cho câu hỏi làm gì? b) Từ chỉ cảm giác trả lời cho câu hỏi cảm thấy thế nào? c) Từ chỉ tính tình trả lời cho câu hỏi là người thế nào? d) Từ vừa chỉ cảm giác vừa chỉ tính tình có thể trả lời đồng thời 2 câu hỏi cảm thấy thế nào? là người thế nào?	- HS nghe.  - 2 HS đọc nội dung bài 1. - Bọn trẻ đang làm gì? - Bọn trẻ đang <b>vui chơi</b> ngoài vườn. - Em cảm thấy thế nào? - Em cảm thấy rất <b>vui thích</b> . - Chú Ba là người thế nào? - Chú Ba là người <b>vui tính</b>  - Các nhóm thảo luận, đại diện nhóm trình bày. + Từ chỉ hoạt động : <b>vui chơi, góp vui, mua vui.</b> + Từ chỉ cảm giác : <b>vui thích, vui mừng, vui sướng, vui lòng, vui thú, vui vui.</b>

<p>3'</p>	<p><b>*Bài 2:</b> Biết đặt câu với từ ngữ nói về chủ điểm lạc quan, yêu đời</p> <p><b>*Bài 3:</b></p> <p><b><u>C. Củng cố- Dẫn dõ:</u></b></p>	<p>- GV phát bảng nhóm cho HS thảo luận nhóm 4. xếp các từ đã cho vào bảng phân loại. - GV nhận xét chốt lại lời giải đúng.</p> <p>- Đọc yêu cầu bài 2. - Yêu cầu HS tự đặt câu, gọi một số HS nêu câu mình đặt trước lớp.GV nhận xét.</p> <p>Đọc yêu cầu bài 3. - GV nhắc HS chỉ tìm những từ miêu tả tiếng cười( không tìm các từ miêu tả nụ cười ) - Cho HS trao đổi với bạn để tìm được nhiều từ. Gọi HS phát biểu, GV ghi nhanh lên bảng những từ ngữ đúng, bổ sung thêm những từ ngữ mới.</p> <p>- Tổng kết toàn bài. - Liên hệ thực tế. - Về ôn lại bài và chuẩn bị bài sau <i>Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu</i></p>	<p>+Từ chỉ tính tình: <i>vui tính, vui nhộn, vui tươi.</i> +Từ vừa chỉ cảm giác vừa chỉ tính tình: <i>vui vẻ.</i></p> <p>- 2 HS đọc. - HS tự đặt câu, gọi một số HS nêu câu mình đặt trước lớp. + Lan là một người vui tính.</p> <p>- 2 HS đọc yêu cầu bài 3. - HS trao đổi với bạn để tìm được nhiều từ. - HS nối tiếp phát biểu, mỗi HS nêu một từ đồng thời đặt một câu. + Từ ngữ miêu tả tiếng cười:Cười ha hả, hi hí, hơ hơ, khanh khách, sằng sặc , sặc sụa , khúc khích, ....</p> <p>- HS nghe.  - HS nghe.</p>
-----------	--	--	--